

Đề bài

Dấu ấn thơ ca dân
gian trong bài

Tương tư
của Nguyễn Bính.

Bài làm

Nhắc đến thơ mới, ta thường nghĩ đến những vần thơ chịu ảnh hưởng sâu sắc từ phương Tây: thơ Xuân Diệu, thơ Chế Lan Viên, thơ Nguyễn Hoàng Chương... không hòa tan mình trong đó, thơ Nguyễn Bính vẫn giữ được những nét “chân quê” giản dị, chất phác nhờ hấp thụ ảnh hưởng từ thơ ca dân gian. Dấu ấn cổ truyền đặc sắc ấy in dấu khá rõ trong thi phẩm *Tương tư*.

Tên bài thơ và cũng là chủ đề của bài thơ: *Tương tư* là nhớ nhau. Không phải con nhớ mẹ, chị nhớ em, bà nhớ cháu... mà anh nhớ em! *Tương tư* là đề tài về tình yêu đôi lứa. Nhắc đến *tương tư*, ta thấy đó là một đề tài quen thuộc trong ca dao, dân ca. Nền văn học dân gian còn ghi lại những vần thơ tuyệt bút viết về nỗi nhớ gái trai:

*Buồn trông con nhện giăng tơ
Nhện ơi nhện hỡi nhện chờ mối ai?
Buồn trông chênh chéch sao mai
Sao ơi sao hỡi nhớ ai sao mờ?*

Chọn một đề tài quen thuộc trong ca dao dân ca, Nguyễn Bính đã lấy một cái tên thật gọi: “*Tương tư*”. Những chữ Hán Việt ấy gọi cả một trời nhưng nhớ, mong đợi thiết tha, giản dị, chất phác nhưng không kém phần sôi nổi của những thôn nữ, trai làng xưa:

*Nhớ ai bồi hồi bồi hồi
Như đứng đống lửa như ngồi đống than;
Nhớ ai ra ngắm vào ngõ
Nhớ ai ai nhớ bây giờ nhớ ai?...*

Bên cạnh đề tài, tiêu đề bài thơ, những gì *Tương tư* của Nguyễn Bính học từ giọng điệu, hình ảnh thơ và cách ví von trong thơ ca dân gian cũng góp phần giúp bài thơ thêm thấm sắc lên hương.

Có thể nói, rất ít nhà thơ thơ mới “dùng lại” những thể thơ cũ (họ sợ thơ mình sẽ bớt “mới” chăng?). Nguyễn Bính không vậy. Nét tinh tế thiết tha ân tình của thể thơ lục bát dân gian vẫn được thi nhân nâng niu trân trọng. Nếu như ca dao Việt Nam đặc trưng bởi thể thơ lục bát, ngắt nhịp 2/2/2 hoặc 3/3, 4/4:

*Anh đi / anh nhớ / quê nhà
Nhớ canh rau muống / nhớ cà dầm tương;
Trèo lên / cây bưởi / hái hoa
Bước xuống vườn cà / hái nụ tầm xuân...*

Thi thơ Nguyễn Bính cũng đa diết, tinh tứ nhờ thể thơ, nhịp điệu ấy.

*Thôn Đoài / ngồi nhớ / thôn Đông
Một người / chín nhớ / mười mong / một người
Nắng mưa / là bệnh / của giờ
Tương tư / là bệnh / của tôi / yêu nàng.*

Sự tha thiết, nhịp nhàng, lối bắt vần dễ nhớ dễ thuộc của lục bát thật thích hợp với những tình yêu đôi lứa nơi thôn dã như thế.

Chưa hết, những hình ảnh thơ quen thuộc trong thơ ca dân gian đã được Nguyễn Bính học hỏi, vay mượn và sử dụng đầy hiệu quả.

Những “thôn Đoài” “thôn Đông” quen thuộc biết mấy với đời sống người nông dân. Những lẽ lối, phong tục *Trương tư* dùng làm thi liệu cũng bắt rề từ ca dao, dân ca. Nhắc đến trầu, đến cau có ai không nghĩ đến “sự tích trầu cau” sâu nặng nghĩa tình. Lấy “miếng trầu làm đầu câu chuyện” Nguyễn Bính cũng đồng thời lấy trầu cau để nói chuyện tương tư:

Nhà em có một giàn giầu

Nhà anh có một hàng cau liên phòng

Dân gian lấy trầu cau để nói đến sự hòa hợp lứa đôi, nói đến thủy chung son sắt:

Quả cau nho nhỏ, cái vỏ vân vân;

Giầu này giầu tính giầu tình

Giầu loan giầu phượng giầu mình với ta

Giầu này em têm từ tối hôm qua

Giầu thầy giầu mẹ em mang cho chàng...

Còn Nguyễn Bính, mượn có nhà em có giàn giầu nhà anh có hàng cau (hòa hợp quá đi!) để tiếc nuối “Cớ sao bên ấy chẳng sang bên này”. Tiếc nuối và cũng là trách móc “Có xa xôi mấy mà tình xa xôi”. Sự liên tưởng chàng trai thật đáng yêu. Nó ngây thơ quá đỗi, chàng cứ nghĩ có trầu có cau là thành chồng thành vợ (dân gian bảo vậy kia mà) nên dỗi hờn: sao nhà em có giầu nhà anh có cau mà... “Lá xanh nhuộm đã thành cây lá vàng”. “Lá” ở đây có lẽ cũng là lá trầu. Lá chuyển màu rơi rụng cũng là sự phôi pha xa cách của tình cảm cô gái.

Sự phôi pha, xa cách ấy vì đâu? Vì “cách trở đồ giang ư?”. Ca dao từng nói:

Yêu nhau mấy núi cũng trèo

Mấy sông cũng lội mấy đèo cũng qua.

Vậy thì đâu phải xa xôi. Nhà mình nhà ta cách nhau có “một đầu đình”. Mà đình làng xưa vốn là nơi để gái trai nên duyên nên phận:

Hôm qua tát nước đầu đình

Bỏ quên chiếc áo trên cành hoa sen.

Vậy nên chẳng hiểu vì đâu đôi ta không thành đôi thành lứa. Chàng trai với nỗi *Trương tư* bồn chồn chẳng dứt cứ trở đi trở lại nỗi băn khoăn:

Biết cho ai hỏi ai người biết cho

Bao giờ bến mới gặp đò?

Sử dụng những hình ảnh quen thuộc trong thơ ca dân gian. Nguyễn Bính đã gợi lại những nếp nghĩ, nếp sống mộc mạc ân tình của người nông dân

nơi thôn dã. Không chỉ vậy, mượn những hình ảnh đó, nhà thơ còn giúp nhân vật trữ tình của *Tương tư* bộc lộ lòng mình, ấy là nỗi nhớ nhung tha thiết, bồn chồn, khắc khoải.

Lời ví von trong *Tương tư* cũng rất gần với dân gian. Nói về tình yêu, dân gian vô cùng tinh tế “nói xa” rồi mới “nói gần”, không bao giờ “nói thẳng như ruột ngựa”. Bày tỏ niềm tiếc nuối vì người thương đã lấy chồng, chàng trai phải đưa đẩy, xa xôi rồi mới bày tỏ nỗi niềm:

*Trèo lên cây bưởi hái hoa
Bước xuống vườn cà hái nụ tầm xuân
Nụ tầm xuân nở ra xanh biếc
Em đã lấy chồng anh tiếc lắm thay.*

Tương tư cũng mượn lời nói bóng bẩy xa xôi ấy:

*Gió mưa là bệnh của giời
Tương tư là bệnh của tôi yêu nàng.*

Ví von như thế để khẳng định: tình yêu của mình cũng như một quy luật tất yếu của tự nhiên. Trời có nắng có mưa, người có yêu có thương, vậy mới là người!

Hình ảnh “bến” “đò” “hoa khuê các” “bướm giang hồ” cũng vốn là những hình ảnh đầy biểu tượng. Trong tình yêu, người con trai thường được ví với thuyền ra đi, với bướm giang hồ; người con gái chỉ là hoa là bến:

*Thuyền về có nhớ bến chăng
Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền.*

Mượn hình ảnh kín đáo ấy, chàng trai trong nỗi tương tư dang trào đã bày tỏ khát khao:

*Bao giờ bến mới gặp đò?
Hoa khuê các bướm giang hồ gặp nhau?*

Tình yêu dù sôi nổi bùng bột đến mấy, con người Việt Nam vẫn không mất đi sự tinh tế, kín đáo. Thơ ca đã thể hiện điều ấy qua những hình ảnh ví von rất gợi.

Tiếp thu những nét truyền thống trong thơ ca dân gian, nhưng điều ấy không hề làm thi sĩ “chân quê” trở nên “quê mùa” trước một rừng các nhà thơ mới. Điều đó trước hết khẳng định sức sống tiềm tàng của thơ ca dân gian – tinh hoa của dân tộc bao đời. Đó cũng tạo nên phong cách riêng của Nguyễn Bính trong nền văn học dân tộc.